

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hải

2. Ông Thân Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976. vắng mặt.

Đều địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ trụ sở: Thôn H 2, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

(Do ông Thân Văn T là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 200/QĐ-NHCS ngày 06/5/2021). vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc và có 03 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh

S lười lao động, thường xuyên đi rượu chè về đánh đập vợ con, chị T không thể tiếp tục chịu đựng. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình có hòa giải động viên hai vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng không được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Y sinh ngày 01/9/1996, Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 04/02/2002 và Nguyễn Đức T sinh ngày 27/9/2009. Hiện nay cháu Yến đã lấy chồng, cháu T và cháu A đang ở cùng anh S. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con, cấp dưỡng tùy anh S.

Về tài sản, công sức, ruộng đất: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang số tiền 50.000.000 đồng và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Yên, tỉnh Bắc Giang – Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền 70.000.000 đồng. Chị và anh S thỏa thuận chị sẽ trả Ngân hàng chính sách xã hội còn anh S sẽ trả Ngân hàng nông nghiệp.

Tại bản tự khai ngày 18/9/2021 chị T gửi về Tòa án nhân dân huyện Việt Yên qua đường bưu điện chị trình bày: Hiện tại chị T đang làm thuê tại Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội. Tháng 5 và tháng 6/2021 do dịch Covid-19 nên Tòa án báo gọi chị nhiều lần làm việc qua điện thoại nhưng chị không về được. Tháng 7 và tháng 8/2021 Hà Nội bùng dịch nên chị không thể về Tòa án làm việc theo điện thoại báo gọi của Tòa án. Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên chị sẽ chịu trách nhiệm trả Ngân hàng đúng thời gian cho vay.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S và chị Nguyễn Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung. Do mâu thuẫn nên năm 2011 vợ chồng đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Đến năm 2016 hai vợ chồng lại làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã V. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận do không hợp nhau, không cùng tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Chị T hiện đang sống tại Hà Nội. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Y sinh ngày 01/9/1996, Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 04/02/2002 và Nguyễn Đức T sinh ngày 27/9/2009. Hiện nay cháu Y đã lấy chồng, cháu Vân A đã trưởng thành và đang là sinh viên, cháu T đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu T vì hiện tại cháu T đang học trường THCS xã V, vẫn đang ở cùng anh, có chỗ ở ổn định. Anh không đồng ý để chị T nuôi con vì chị T hiện đang làm thuê, thuê nhà trọ ở Hà Nội, không có chỗ ở ổn định. Anh S hiện tại ngoài làm nông nghiệp thì còn làm thợ hàn xì, thu nhập khoảng

5.000.000 đồng/tháng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, ruộng đất: Anh S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang số tiền 50.000.000 đồng và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Yên, tỉnh Bắc Giang – Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền 70.000.000 đồng. Chị T và anh thỏa thuận chị T sẽ trả Ngân hàng chính sách xã hội, còn anh S sẽ trả Ngân hàng nông nghiệp. Hiện anh S đã thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng nông nghiệp, còn khoản nợ tại Ngân hàng chính sách thì chị T đã nhận tự trả và anh không vay nên anh cũng không đồng ý trả cùng chị T, đề nghị chị T tự trả. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì có báo gọi anh lên làm việc nhưng do công việc, sau đó là dịch bệnh nên anh không đến làm việc nữa.

Cháu Nguyễn Đức T trình bày tại bản tự khai: Cháu hiện đang học lớp 7A trường THCS Việt Tiến, Việt Yên, Bắc Giang và sống cùng bố là Nguyễn Văn S. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở cùng bố, đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu ở cùng bố.

Ngày 06/5/2021 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang có Công văn số 201/CV-NHCS gửi Tòa án nhân dân huyện Việt Yên có nội dung: Chị Nguyễn Thị T có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang hiện nay còn nợ số tiền 40.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay Hộ nghèo, vay ngày 14/7/2017 trên sổ vay vốn mã số 1300124544, số khế ước vay tiền 6600000710735467, hạn trả nợ cuối cùng là 13/7/2023. Nay anh S chị T ly hôn, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang yêu cầu anh S và chị T có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang – Phòng giao dịch Tự Lạn ngày 14/7/2021 thì ông Trần Mạnh N – Giám đốc phòng giao dịch cung cấp: Anh Nguyễn Văn S sinh năm 1976 có số chứng minh thư nhân dân là 121226.... và chị Nguyễn Thị T sinh năm 1976 có số chứng minh thư nhân dân là 121952.... có địa chỉ tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang không còn khoản vay nào tại Ngân hàng. Tháng 04/2021 anh S đã tắt toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2503LAV201801168 ngày 26/02/2018 với Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với anh S và chị T tại thời điểm này.

Tại phiên tòa do các đương sự đều có đơn xin vắng mặt nên HĐXX đã công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử,

ngiht án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 27, 56, 81, 82, 83, 59, 60 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn S được nuôi con Nguyễn Đức T sinh ngày 27/9/2009. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn S.

Về tài sản không xem xét.

Về công nợ: Buộc anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi suất là: 50.630 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 20.050.630đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi suất là: 50.630đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 20.050.630đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí DSST sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Nguyễn Văn S phải chịu án DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Sao, chị T và ông Thân Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2016 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh S kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 03 con chung, tuy nhiên sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh S không chị khó làm ăn, hay rượu chè

về nhà đánh chửi chị T, chị T đề nghị được ly hôn anh S; theo anh S trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do không hợp tính tình, năm 2011 vợ chồng đã ly hôn, đến năm 2016 hai vợ chồng lại làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã V nhưng cuộc sống cũng không được hòa thuận, vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay. Nay chị T xin ly hôn anh S nhất trí chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Y sinh ngày 01/9/1996, Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 04/02/2002 và Nguyễn Đức T sinh ngày 27/9/2009. Hiện tại con lớn đã lập gia đình riêng, con thứ hai đã trưởng thành và con thứ ba đang ở với anh S.

Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con thứ hai và con thứ ba của vợ chồng, cấp dưỡng nuôi con tùy anh S. Sau khi ly hôn anh S nhận nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Đức T sinh ngày 27/9/2009 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét việc nuôi con giữa chị T và anh S thì thấy hiện nay hai con lớn của vợ chồng đã trưởng thành vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết. Con nhỏ hiện đang ở với anh S đời sống được đảm bảo và hiện nay cháu T đang học tại trường THCS xã V, huyện V nguyện vọng của cháu T sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với anh S. Hiện tại chị T đang đi làm thuê ở Hà Nội không có mặt tại địa phương, mặt khác cháu T muốn ở với anh S. Như vậy xét về điều kiện nuôi con thì anh S có điều kiện hơn chị T về chỗ ăn, chỗ ở và việc học tập của cháu T. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con chung cần giao cho anh Nguyễn Văn S được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Đức T là phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do anh S không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S. Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm non con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[4] Tài sản, ruộng đất: Chị T và anh S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Công nợ: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu trong hồ sơ thể thiện anh S và chị T nợ Ngân hàng NN&PTNT huyện Việt Yên số tiền 70.000.000đồng và nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền 40.000.000đồng.

Căn cứ biên bản xác minh tại Ngân hàng NN&PTNT và lời khai của anh S thì hiện nay số tiền Ngân hàng NN&PTNT huyện Việt Yên anh S đã trả xong. Ngân hàng không có yêu cầu gì với anh S và chị T nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội thì hiện tại chưa trả. Ngân hàng yêu cầu chị T và anh S phải trả xong trước khi ly hôn. HĐXX xét thấy đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tồn tại và chưa trả Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên yêu cầu anh S và chị

T cùng có trách nhiệm trả Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 1/2 tiền nợ gốc và 1/2 tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2021 gồm tiền gốc 40.000.000đồng, tiền lãi 101.260đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 40.101.260 đồng : 2 = 20.050.630 đồng.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu án DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 27, 56, 81, 82, 83, 59, 60 - Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S

(2) Con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn S được nuôi con Nguyễn Đức T sinh ngày 27/9/2009. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn S. Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

(3) Công nợ: Buộc anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi suất là: 50.630 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 20.050.630 đồng (*Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi suất là: 50.630 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 20.050.630 đồng (*Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

(4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.002.500 đồng án phí DSST được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0000353 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiếp 1.002.500 đồng (*Một triệu không trăm linh hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn S phải nộp 1.002.500 đồng (*Một triệu không trăm linh hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí DSST.

- Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp